

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05-3-2018

V/v ly hôn giữa chị H và anh L

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Mạnh Tiến

2. Bà Hoàng Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 406/2017/TLST – HNGĐ ngày 01/11/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị H, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: số nhà A, đường B, tổ dân phố T, phường Đ, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn L, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: số nhà X, đường T, tổ dân phố T, phường Đ, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Dương Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 12/11/2009, chị kết hôn với anh Lê Văn L, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi kết hôn, chị và anh L có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị và

anh L về chung sống với nhau tại địa chỉ: số nhà Z, đường T, tổ dân phố T, phường Đ, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Anh chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L thường xuyên rượu chè, say xỉn, lơ đãng, tụ tập bạn bè gây sự chửi mắng, đánh đập vợ con. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải, bản thân chị cũng đã bỏ qua cho anh L nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng đến tháng 06 năm 2017 thì chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ và anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

- Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là Lê Quang H, sinh ngày 05/02/2011. Hiện nay cháu H đang ở với anh L. Chị đang làm công nhân tại Công ty điện tử Samsung ở khu công nghiệp Y, tỉnh Bắc Ninh với thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị xác nhận vợ chồng không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị xác nhận vợ chồng không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo Biên bản xác minh ngày 08/01/2018, ông Nguyễn Văn L - tổ trưởng tổ dân phố T, phường Đ, Thành phố B cung cấp:

Vợ chồng anh L, chị H là cư dân sinh sống tại địa phương. Tuy nhiên từ tháng 6 năm 2017 chị H đã về nhà mẹ đẻ và không còn chung sống với anh L nữa. Quá trình anh L và chị H sinh sống tại địa phương không xảy ra xô xát gì, cũng chưa bao giờ nhờ chính quyền địa phương can thiệp, hoà giải. Con chung của anh L và chị H là cháu H hiện đang sống cùng anh L và ông bà nội. Anh L làm nghề khắc bia đá tại nhà, chị H đi làm công ty. Công việc của anh L khá bận rộn nên việc chăm sóc, đưa đón cháu H đi học đều do bố mẹ anh L đảm nhiệm.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho bị đơn là anh Lê Văn L. Nhưng đến trước phiên toà, anh L không nộp cho Toà án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, anh L cũng không đến Toà án để làm thủ tục hoà giải.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn – chị Dương Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh L. Về con chung: chị H giữ nguyên yêu cầu khi ly hôn

được nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Quang H với các lý do: cháu H còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ; anh L thường xuyên rượu chè, công việc không ổn định, không chăm lo được cho con; quá trình vợ chồng còn chung sống, nhiều lần anh L đã có hành vi đánh chị trước mặt con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, chị H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Văn L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Dương Thị H kết hôn ngày 12/11/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, anh chị có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống với nhau tại địa chỉ: số nhà Z, đường T, tổ dân phố T, phường Đ, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn tuy nhiên anh xác nhận có vài lần anh uống rượu say về nhà có to tiếng và xô xát với chị H. Tháng 6 năm 2017, do vợ chồng có mâu thuẫn nên chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh có xuống khuyên giải để đón chị H về nhưng chị H không đồng ý nên anh đã chuyển về sống cùng chị H tại nhà bố mẹ đẻ của chị H một thời gian. Hiện nay chị H đang sống cùng với bà ngoại ở gần nhà bố mẹ đẻ của chị H. Anh và chị H không còn chung sống với nhau từ khoảng tháng 01 năm 2018 đến nay. Anh cho rằng nguyên nhân chị H xin ly hôn là do chị H có biểu hiện bất thường về tâm thần, anh không có chứng cứ nào về việc này. Anh và gia đình đã đưa chị H đi cúng bái ở nhiều nơi nhưng không có kết quả. Anh xác nhận vẫn còn tình cảm với chị H tuy nhiên do chị H cương quyết xin ly hôn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh và chị Dương Thị H có 01 con chung là Lê Quang H, sinh ngày 05/02/2011. Hiện nay cháu H đang ở cùng anh và ông bà nội. Khi ly hôn, anh không đồng ý để chị H nuôi dưỡng cháu H vì chị H đi làm công ty ở dưới Bắc Ninh không có điều kiện chăm sóc con, hơn nữa chị H lại có biểu hiện bất thường về tâm thần. Anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm nghề khắc bia mộ tại nhà, thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh xác nhận vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung chưa thành niên của chị H và anh L là cháu Lê Quang H trình bày: Cháu là con trai của chị H và anh L. Hiện nay cháu đang sống cùng bố và ông bà nội. Hàng ngày việc chăm sóc, đưa đón cháu đi học đều do ông bà nội đảm nhiệm. Nếu bố mẹ không ở với nhau, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự như: vắng mặt tại các phiên hoà giải.

- Về quan điểm quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị H và anh Lê Văn L; Về con chung: Giao con chung là Lê Quang H, sinh ngày 05/02/2011 cho chị Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa chị Dương Thị H và anh Lê Văn L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, anh Lê Văn L đăng ký hộ khẩu thường trú tại: số nhà Z, đường T, tổ dân phố T, phường Đ, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Chị H và anh L không tự thoả thuận được việc giải quyết tranh chấp, chị H khởi kiện ra Tòa án. Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Bắc Giang giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật về thẩm quyền tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị H:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H và anh Lê Văn L kết hôn ngày 12/11/2009 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Đ, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Việc kết hôn của chị H và anh L là phù hợp với quy định tại Điều 9 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau khi kết hôn chị H và anh L về chung sống với nhau tại địa chỉ: số nhà Z, đường T, tổ dân phố T, phường Đ, Thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L thường xuyên rượu chè, say xỉn về nhà và có hành vi đánh đập vợ con. Tháng 6

năm 2017, do mâu thuẫn trầm trọng nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Chị H và anh L đã ly thân từ đó đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng với anh L không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L. Tại phiên tòa, anh L xác định vẫn còn tình cảm với chị H nhưng chị H cương quyết xin ly hôn nên anh đồng ý. Xét thấy việc tại phiên tòa chị H, anh L thỏa thuận ly hôn là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên cần công nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 55 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 246 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2.2] *Về con chung*: Chị Dương Thị H và anh Lê Văn L có 01 con chung là Lê Quang H, sinh ngày 05/02/2011. Hiện tại cháu H đang sống cùng anh L và ông bà nội. Khi ly hôn, chị H và anh L đều yêu cầu được nuôi cháu H. Anh L làm công việc khắc bia mộ tại nhà, công việc khá bận rộn, tuy hiện nay cháu H đang ở với anh nhưng việc chăm sóc, đưa đón cháu đi học hàng ngày đều do bố mẹ anh đảm nhiệm; hơn nữa tại phiên tòa anh xác nhận quá trình chung sống vài lần anh có uống rượu say về nhà và xảy ra xô xát với chị H. Chị H trình bày có vài lần anh L đánh chị trước mặt cháu H. Anh L không đồng ý để chị H nuôi cháu H khi ly hôn với lý do chị H có biểu hiện bất thường về tâm lý, tâm thần nhưng anh không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét. Xét cháu H còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, tại phiên tòa cháu H trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Cần giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cho cháu, phù hợp với nguyện vọng của cháu và quy định tại khoản 2 Điều 81 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Anh Lê Văn L có quyền thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Các đương sự đều xác nhận không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Dương Thị H là nguyên đơn nên chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 246, Điều 271, Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị H và anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Quang H, sinh ngày 05/02/2011 cho chị Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Anh Lê Văn L có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2012/06412 ngày 01/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố B. Xác nhận chị H đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND TP B;
- CCTHA dân sự TP B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Vân Anh